

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-7-2020.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

**- Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Đức Lịch và ông Lê Quý Bộ.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Toà án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2020, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2020 về việc tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-ST, ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1996, có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 109, ngõ 158 phố H2, phường H2, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Khu V, phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá H1, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H3, tỉnh Hải Dương.

3. Những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Bá H4, sinh năm 1959, bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H3, tỉnh Hải Dương, có mặt ông H4, bà N1 vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thế L1 sinh năm 1959, địa chỉ: Số nhà 109, ngõ 158 phố H2, phường H2, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị H, bị đơn anh H1 trình bày: Chị H, anh H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường H2, quận Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 25/02/2014. Vợ chồng chung

sống đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng không còn sự tin tưởng. Khi chị H, anh Hùng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng tình cảm không được cải thiện và đã sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh H1 xác định có hai con là Nguyễn Bá Đ1, sinh ngày 27/4/2014 và Nguyễn Bá P1, sinh ngày 26/01/2016, hiện tại do anh H1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu P1, còn cháu Đ1 giao cho anh H1 nuôi dưỡng. Anh H1 đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con vì từ trước cho đến nay các con đều ở cùng gia đình anh, khi vợ chồng sống ly thân, anh là người nuôi dưỡng. Anh H1 xác định hiện tại chị H không có chỗ ở ổn định, phải đi thuê nhà trọ, kinh tế khó khăn, nên việc nuôi dưỡng con sẽ không đảm bảo. Đối với việc cấp dưỡng tiền nuôi con chị H và anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh H1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông H4, bà N1 (bố mẹ anh H1) và tại phiên tòa ông H4 đề nghị giải quyết cho hai bên đương sự ly hôn; giao các cháu Đ1, P1 cho anh H1 nuôi dưỡng; gia đình ông, bà có trách nhiệm hỗ trợ anh H1 trong việc nuôi con. Ông L1 (bố chị H) đề nghị giải quyết việc ly hôn, nuôi con giữa chị H và anh H1 theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị, xử chị H ly hôn anh H1; giao các cháu Đ1, P1 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về hôn nhân: Chị H, anh H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND phường H2, quận Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 25/02/2014, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống các bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng không còn sự tin tưởng và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai

bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều thuận tình ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xử, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh H1 là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế.

[2] Về con chung: Xác định chị H, anh H1 có hai con là Nguyễn Bá Đ1, sinh ngày 27/4/2014 và Nguyễn Bá P1, sinh ngày 26/01/2016, hiện tại do anh H1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cháu P1, còn anh H1 đề nghị nuôi dưỡng cả hai con. Sau khi xem xét nguyện vọng của hai bên đương sự, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế cuộc sống của mỗi bên đương sự.

Xét các cháu Đ1, P1 còn nhỏ tuổi, từ khi các cháu sinh ra cho đến nay đều sinh sống cùng với gia đình anh H1, khi hai bên đương sự sống ly thân anh H1 là người nuôi dưỡng các con và đã đảm bảo các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đều thừa nhận anh H1 có đầy đủ các điều kiện và không vi phạm điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị H, anh H1 đã chứng minh bản thân có nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Quan điểm của chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 nhưng quá trình giải quyết vụ án nhiều lần Tòa án yêu cầu chị H cung cấp điều kiện về chỗ ở hợp pháp nhưng chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ này, thực tế hiện nay chị H cũng chưa có nơi ở ổn định, đang thuê nhà trọ để ở nên sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xác minh với chính quyền thôn L, trường mầm non và UBND xã P; phòng Lao động, thương binh & xã hội huyện H3; hội phụ nữ huyện H3 đều xác định anh H1 có đầy đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung, các cháu Đ1, P1 do anh H1 nuôi dưỡng đều phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đều đề nghị tiếp tục giao các con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn tâm sinh lý, môi trường sinh sống, học tập của các cháu Đ1, P1. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H1 cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao các cháu Đ1, P1 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như điều kiện hoàn cảnh thực tế. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con, chị H có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh H1 đều xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, theo quy định

của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diệu H và anh Nguyễn Bá H1.

- Về con chung: Giao các con là Nguyễn Bá Đ1, sinh ngày 27/4/2014 và Nguyễn Bá P1, sinh ngày 26/01/2016 cho anh Nguyễn Bá H1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H1 tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị Diệu H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001838, ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H3, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Diệu H, anh Nguyễn Bá H1, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND phường H2, quận Đ, TP Hà Nội (để lưu và vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**